

Số: 1551/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp:
Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2025.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-ĐN5 ngày 17/10/2024 của Công ty Thủy Điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2025;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch kỹ ngày 08 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp của Tổ thẩm định ngày 13/11/2024;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 08/11/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2025 với các nội dung chính như sau:

- Tên nhà cung cấp: Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch.
- Địa chỉ: Số 655, đường Phạm Văn Đồng – Phường Cổ Nhuế 1 – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
- Giá gói cung cấp: **280.418.204 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu, bốn trăm mười tám ngàn, hai trăm linh bốn đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Quyết định này làm cơ sở để các bên ký kết hợp đồng và thực hiện

các công việc liên quan.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và đơn vị được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các PGĐ, KTT (e – copy);
- Trang website TKV (để đăng tải);
- Trang website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, VT, P.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuấn

042
CÔ
HỦ
ÔNG
T
liệt

PHỤ LỤC. BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ

Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1551/QĐ-ĐN5 ngày 11 tháng 11 năm 2024)

STT	Tên thông số	ĐVT	Tổng số lượng/năm	Đơn giá có KH (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	BẢNG TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC MẶT 2025 (3 mẫu tại 3 vị trí hồ thủy điện Đồng Nai 5: 01 mẫu lấy tại khu vực thượng du; 01 mẫu lấy tại khu vực lòng – Vị trí giữa đập; 01 mẫu lấy tại khu vực hạ du cách đập thủy điện Đồng Nai 5 khoảng 800m; Tần suất quan trắc 06 lần/năm)				84.665.376
I	Quan trắc tại hiện trường				13.051.296
1	Đo đồng thời đa chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, DO, Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Thông số	18	567.145	10.208.610
2	Độ dẫn điện EC	Thông số	18	157.927	2.842.686
II	Quan trắc các mẫu trong phòng thí nghiệm				71.614.080
1	Nhu cầu ô xy sinh hóa BOD ₅	Thông số	18	206.111	3.709.998
2	Nhu cầu ô xy hóa học COD	Thông số	18	234.185	4.215.330
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	Thông số	18	119.479	2.150.622
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	Thông số	18	224.977	4.049.586
5	Nitrit (NO ₂)	Thông số	18	279.648	5.033.664
6	Nitrat (NO ₃)	Thông số	18	202.433	3.643.794
7	Phosphat (P)	Thông số	18	266.895	4.804.110
8	Hg	Thông số	18	546.897	9.844.146
9	Fe	Thông số	18	330.192	5.943.456
10	E. Coli	Thông số	18	510.147	9.182.646
11	Tổng dầu mỡ	Thông số	18	547.449	9.854.082
12	Tổng Coliform	Thông số	18	510.147	9.182.646
B	BẢNG TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC THẢI 2025 (02 mẫu: 01 mẫu lấy tại cống xả nước thải từ hệ thống bể tự hoại tại khu vực nhà nghỉ của công nhân; 01 mẫu cống xả nước thải từ hệ thống bể tự hoại tại khu vực vận hành nhà máy; Tần suất quan trắc 04 lần/năm)				28.515.176
I	Quan trắc tại hiện trường				3.358.712
1	Đo đồng thời đa chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS)				3.358.712
1.1	Nhiệt độ	Thông số	8	124.467	995.736
1.2	pH	Thông số	8	156.454	1.251.632
1.3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Thông số	8	138.918	1.111.344
II	Quan trắc trong phòng thí nghiệm				25.156.464
1	Nhu cầu ô xy sinh hóa BOD ₅	Thông số	8	209.678	1.677.424
2	Nhu cầu ô xy hóa học COD	Thông số	8	250.744	2.005.952
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	Thông số	8	148.195	1.185.560
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	Thông số	8	238.562	1.908.496
5	Nitrat (NO ₃)	Thông số	8	365.125	2.921.000
6	Phosphat (P)	Thông số	8	279.263	2.234.104

STT	Tên thông số	ĐVT	Tổng số lượng/năm	Đơn giá có KH (đồng)	Thành tiền (đồng)
7	Chất hoạt động bề mặt	Thông số	8	590.521	4.724.168
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	Thông số	8	586.782	4.694.256
9	Tổng Coliform	Thông số	8	475.688	3.805.504
C	CHI PHÍ GIÁM SÁT XÓI LỖ BỜ HỒ				2.000.000
1	Khảo sát nhằm phát hiện, đánh giá hiện tượng, quy mô và mức độ xói lở, tình trạng tái tạo thảm thực vật, sinh vật,... trên hai bên bờ lòng hồ thủy điện Đồng Nai 5 nhằm kịp thời có biện pháp xử lý thích hợp. Tần xuất thực hiện 01 lần/năm.	Lần	1	2.000.000	2.000.000
D	CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2025 <i>Lưu ý: Báo cáo có gửi kèm theo bản scan về đại chỉ email: kythuat.antoandn52019@gmail.com.</i>				139.745.088
1	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường (cả năm gồm 6 đợt, xuất bản 1 báo cáo (số lượng là 3 bản)/1 đợt, tổng cả năm là 18 bản)	Báo cáo	6	19.963.584	119.781.504
2	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm 2025 - Thủy điện Đồng Nai 5 (xuất bản 6 bản)	Báo cáo	1	19.963.584	19.963.584
	Tổng giá trị trước thuế				254.925.640
	Thuế GTGT 10%				25.492.564
	Tổng giá trị sau thuế				280.418.204

